TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **43**/2019/HNGĐ - ST Ngày 23/10/2019 V/v Ly hôn và nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Lợi
2. Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị O, sinh năm 1996 (có mặt)
ĐKNKTT: Thôn L (thôn Hoàng L cũ), xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Thôn 2, xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Công M, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt)
ĐKNKTT: Thôn Nhuyễn Phú L (thôn Hoàng L cũ), xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Thôn L2, xã L2, huyện V, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Công M xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu là 1 năm rồi tiến tới hôn nhân. Trước khi đăng ký kết hôn, chị và anh M chung sống với nhau như vợ chồng và đã sinh con là cháu Đặng Công H. Đến ngày 09/5/2017 chị và anh M mới đến Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị và anh M chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 3 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Trong cuộc sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm về kinh tế

dẫn đến cãi nhau, anh M không quan tâm đến mẹ con chị. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn, hai bên gia đình đều khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Hiện chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị khẳng định chị và anh M có 01 con chung là Đặng Công H, sinh ngày 26/11/2016 đang ở với chị. Chị làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 9 triệu đến 10 triệu đồng, đủ điều kiện để nuôi con. Hai mẹ con đang ở cùng ông bà ngoại tại xã Y, huyện C. Cháu H đang học tại trường mầm non xã Y, ông bà ngoại còn khỏe có thời gian hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Nguyện vọng của chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh anh Đặng Công M trình bày:* Anh và chị Lê Thị O xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/5/2017. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, không có vấn đề gì lớn xảy ra. Đến tháng 6 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, trong cuộc sống, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên cãi nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dẫn đến không còn hạnh phúc. Tháng 6/2019 chị O đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ đó. Anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị O càng sớm càng tốt.

Về con chung: Anh và chị O có 1 con chung như chị O trình bày là đúng, con còn nhỏ nên đang ở với chị O. Do chị O đang làm công nhân tại xã L2, huyện V, tỉnh Bắc Ninh, không có thời gian gần con để chăm sóc cho con. Hơn nữa mỗi lần anh đi làm xa về muốn đón con về nội chơi ít hôm thì chị O lại ngăn cản. Có lần chị O đem con đi gửi tại nhà chị gái ở xã T, huyện C gây khó khăn cho việc thăm con. Nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng.

Hiện nay anh đang làm công nhân tại Công ty Kibaco, địa chỉ khu Công nghiệp V thuộc thôn L2, xã L2, huyện V, tỉnh Bắc Ninh. Anh đề nghị Tòa án cho phép anh được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71. Về phía anh M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị O được ly hôn anh M. Giao chị O trực tiếp nuôi con, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về tố tụng*: Anh Đặng Công M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị O và anh Đặng Công M dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng hôn nhân: Nguyên nhân là trong cuộc sống vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn thì anh, chị mỗi người một nơi, không ngồi lại tìm cách giải quyết. Sau khi mâu thuẫn anh, chị sống ly thân không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị O xin được ly hôn, về phía anh M cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh M có 01 con chung là Đặng Công H, sinh ngày 26/11/2016 đang ở với chị O cùng ông bà ngoại từ khi vợ chồng ly thân. Ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của anh, chị là chính đáng. Tuy nhiên, cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi nên khi giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến độ tuổi, điều kiện kinh tế cũng như hoàn cảnh của mỗi bên để đảm bảo cho con trẻ được phát triển một cách tốt nhất. Xét về điều kiện của anh M thì thấy hiện anh M đang làm tại Công ty Kibaco, địa chỉ khu Công nghiệp Quế V thuộc thôn L2, xã Phương L2, huyện V, tỉnh Bắc Ninh. Về phía gia đình theo biên bản xác minh đề ngày 19/9/2019 thì mẹ đẻ anh M là bà Đặng Thị N trước đây thuộc diện hộ nghèo, đến năm 2019 mới thoát nghèo chuyển sang cận nghèo nên điều kiện kinh tế gia đình bà có phần khó khăn. Về phía chị O tuy đang ở cùng bố mẹ đẻ, nhưng chị có việc làm và có thu nhập ổn định. Ông bà ngoại có thời gian hỗ trợ chị về chăm sóc và đưa đón cháu đi học. Cháu hiện đang học tại trường Mầm non xã Y. Như vậy, hiện tại điều kiện của chị O thuận lợi hơn anh M, hơn nữa cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị O và anh M không yêu cầu nên không xét.

[3]. *Về án phí*: Chị O khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị O được ly hôn anh Đặng Công M.

2. Về con chung: Giao cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đặng Công H, sinh ngày 26/11/2016. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị O phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002043 ngày 16/9/2019, chấp nhận chị O đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị O, vắng mặt anh M. Chị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã L1;
- Lưu hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình